

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH AN GIANG

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-PT

Ngày 29 tháng 4 năm 2025

V/v tranh chấp “*Ly hôn, chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hà, bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Long Hưng Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ag:** Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 25 và 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ag xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 Tòa án nhân dân tỉnh Ag về việc tranh chấp “*Ly hôn, chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 139/2024/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh Ag bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1950. (có mặt)

Nơi cư trú: Số 14/1 đường Trần Hưng Đ, khóm MT, phường MQ1, thành phố LX, tỉnh Ag.

Địa chỉ liên lạc: Nhà trọ HH, số 750/36B phòng số 25, khóm Đông Th 4, phường MP, thành phố LX, tỉnh Ag (ĐT: 0349777093)

Tạm trú: Tổ 7, khu phố 3, phường Tô Ch, thành phố HT, tỉnh KG

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Q:

Ông Hoàng Văn Hưng, sinh năm 1952, (có mặt); Nơi cư trú: Tổ 7, khu phố 3, phường Tô Ch, thành phố HT, tỉnh KG là người đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 18/6/2024.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Q: Ông Lương Minh H; (có mặt)

Bà Văng Thị V (vắng mặt) là Trợ giúp viên Pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ag. Cùng địa chỉ: Số 8/18 đường Lý Thường Ki, phường Mỹ Bình, thành phố LX, tỉnh Ag. Theo Quyết định số 17/QĐ-TGPL ngày 02/01/2024 của Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước - Sở Tư pháp tỉnh Ag.

- Luật sư Phạm Đ H, (có mặt); Nơi cư trú: Số 62/4 đường Nguyễn Thị C, Khu phố 2, phường Tân Thới H1, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc đoàn luật sư tỉnh LA.

2. *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị Kim D, sinh năm 1963. (có mặt); Nơi cư trú: Số 14/1 đường Trần Hưng Đ, khóm MT, phường MQ1, thành phố LX, tỉnh Ag (ĐT: 0909050039).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà D: Ông Nguyễn Phú Đ, (có mặt); Nơi cư trú: Số 161/1C khóm ĐA, phường Đông Xuyên, thành phố LX, tỉnh Ag là Luật sư- Văn phòng Luật sư Trần Văn Ngh - thuộc đoàn luật sư tỉnh Ag.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1 Ông Đinh Thắng Đ, sinh năm 1962; (vắng mặt)

3.2 Bà Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1963; (vắng mặt)

Cùng cư trú: Tổ 4, đường Lê Hồng Ph, khóm Vĩnh Đ 2, phường Núi S, thành phố ChĐ, tỉnh Ag.

3.3 Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1987; (vắng mặt)

3.4 Bà Đinh Nguyễn Tuyết Tr, sinh năm 1986; (vắng mặt)

Cùng cư trú: Số 54 đường Lê Hồng Ph, khóm Vĩnh Đ 2, phường Núi S, thành phố Châu Đ, tỉnh Ag.

3.5 Ngân hàng thương mại cổ phần AB.

Địa chỉ: Tầng 1, 2, 3 Tòa nhà Geleximco, số 36 đường Hoàng C, phường Ô Chợ D, quận Đống Đ, thành phố HN.

Người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng: Ông Nguyễn Huy Th, chức vụ: Trưởng ban xử lý nợ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần AB và ông Trương Công Tuấn Chuyên viên cao cấp xử lý nợ - Ban xử lý nợ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần AB (có mặt).

Ông Vương Vũ Q2, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Ban xử lý nợ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần AB (có mặt).

Ông Vũ Hoàng N chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ - Ban xử lý nợ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần AB (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 18 đường Phan Đình G, phường 2, quận TB, thành phố Hồ Chí Minh.

3.6 Ông Huỳnh Duy Kh, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Số 14/1 đường Trần Hưng Đ, khóm MT, phường MQ1, thành phố LX, tỉnh Ag. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Năm 1985, ông Nguyễn Văn Q và bà Huỳnh Thị Kim D đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố CD, tỉnh Ag. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55/HT, ngày 25/11/2008, kết hôn ngày 20/08/1985. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2003 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, phía bà D thường xuyên dùng hung khí đe dọa tính mạng ông Q và không đồng ý cho ông cùng sinh sống với bà D, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, bà D không quan tâm, chăm sóc chồng con, ông Q không còn tình cảm với bà D nên yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho ông được ly hôn với bà D.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thụy Phương Q, sinh năm 1986 và Nguyễn Hoàng Q3, sinh năm 1989. Hiện nay, hai con chung đã thành niên, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng có các tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, gồm:

Nguồn thu từ dịch vụ cho thuê nhà trọ, mặt bằng với tổng thu nhập 190.000.000đồng/tháng, từ năm 2016 đến năm 2019 tạm tính 6.840.000.000đồng.

Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.227,8m² tọa lạc tại phường MQ1, thành phố LX, tỉnh Ag theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00384 ngày 10/11/2010 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp cho ông Nguyễn Văn Q và bà Huỳnh Thị Kim D.

Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 045 và thửa đất số 43, tờ bản đồ số 046, diện tích 260,30m² tọa lạc tại phường MQ1, thành phố LX, tỉnh Ag theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00359QSDĐ/A1 ngày 17/10/2002 do Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh Ag cấp cho bà Huỳnh Thị Kim D.

Số tiền 540.000.000đồng là tiền Nhà nước bồi thường do thu hồi một phần diện tích đất theo theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00359QSDĐ/AE, ngày 17/10/2002 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp mang tên ông Nguyễn Văn Q và bà Huỳnh Thị Kim D.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim D, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Năm 1985, bà D và ông Nguyễn Văn Q có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung vợ chồng hạnh phúc,

nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhưng chưa đến mức ly hôn. Nay bản thân bà D còn yêu thương ông Q nên không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Thông nhất với ông Nguyễn Văn Q về các con chung, riêng cháu Nguyễn Hoàng Q3 bệnh tâm thần phân liệt, không làm chủ bản thân yêu cầu yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung một lần với số tiền 800.000.000đồng.

Về quan hệ tài sản chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có các tài sản chung gồm:

Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.227,8m² tọa lạc tại phường MQ1, thành phố LX, tỉnh Ag theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00384 ngày 10/11/2010 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp cho ông Nguyễn Văn Q và bà Huỳnh Thị Kim D.

Phần diện tích nhà; đất 77,60m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00150, ngày 30/12/2002 do Ủy ban nhân dân thị xã CĐ (nay là thành phố CĐ), tỉnh Ag cấp cho ông Nguyễn Văn Q. Bà D yêu cầu được nhận ½ diện tích nhà, đất với tổng giá trị tài sản 1.500.000.000đồng, giá trị tài sản chia đôi được xác định với số tiền 750.000.000đồng/phần, bà D yêu cầu nhận hiện vật. Về yêu cầu phản tố bổ sung, bà D yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Q và ông Đ, bà Y; yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu, buộc ông Q có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đ và bà Y những gì đã nhận tại thời điểm chuyển nhượng.

Bà D không đồng ý việc ông Q xác định tài sản chung là phần diện tích đất tại địa chỉ 14/đường Trần Hưng Đ, phường Mỹ Q, thành phố LX, do tài sản riêng của bà D được bà Trương Thị Thanh H (mẹ ruột bà D) tặng cho bà D, không liên quan đến ông Q. Riêng căn nhà bà D tự nguyện xác định là tài sản chung của vợ chồng mặc dù đây là căn nhà do cha mẹ của bà D xây dựng và không đồng ý với ý kiến trình bày bà yêu cầu của ông Q đối với tài sản chung là nguồn thu và số tiền bồi thường do nhà, đất bị thu hồi.

Các đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Đối với ông Nguyễn Minh L và bà Đặng Nguyễn Tuyết Tr trình bày theo Văn bản ngày 22/09/2023 như sau:

Ngày 25/3/2017, ông L và bà Tr nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của bà Phạm Thị M, sinh năm 1956, địa chỉ: khóm Vĩnh Đ 2, phường Núi S, thành phố ChĐ, tỉnh Ag và được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Công Tr (thành phố ChĐ, tỉnh Ag) chứng nhận bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số: BS807790, số: CH05228, số 36, tờ bản đồ số 30, diện tích 77,6m² được Ủy ban nhân dân thành phố CĐ, tỉnh Ag cấp ngày 06/02/2015 và được Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh CĐ đăng ký chuyển quyền vào ngày 16/3/2017, đất tọa

lạc tại số 54 đường Lê Hồng Ph, khóm Vĩnh Đ2, phường Núi S, thành phố CD, tỉnh Ag.

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông bà xây dựng căn nhà có kết cấu khung bê tông, cốt thép với diện tích chiều ngang 5m x chiều dài 15,9m; có tầng hầm lớn gồm 04 phòng cho thuê ở trọ, từ khi xây dựng và mở cửa hàng đến nay đã ở ổn định, không tranh chấp. Do đó, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết bác yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Kim D yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Q, ông Đ, bà Y và tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất hiện ông L và bà Tr nhận chuyển nhượng từ bà Phạm Thị M, sinh năm 1956, địa chỉ khóm Vĩnh Đông 2, phường Núi S, thành phố CD, tỉnh Ag, không phải nhận chuyển nhượng từ ông Đ, bà Y.

Về quyền sử dụng đất ông Luân và bà Trinh đã nhận chuyển nhượng từ bà Phạm Thị M, ông bà đã làm thủ tục sang tên, chuyển quyền hợp pháp, ông bà đã xây dựng nhà ở ổn định, việc bà D yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng sử dụng đất trên ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của vợ ông bà là đúng, không có căn cứ. Ông L, bà Tr không đưa ra yêu cầu độc lập đối với các đương sự có liên quan.

- Ông Đinh Thắng Đ và bà Nguyễn Ngọc Y vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết, không có ý kiến trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đưa ra yêu cầu độc lập đối với các đương sự có liên quan.

-Ngân hàng thương mại cổ phần AB do ông Trương Công Tuấn và ông Vương Vũ Quan trình bày:

Ngày 11/10/2011, Ngân hàng Thương mại Cổ phần AB – Chi nhánh Ag (viết tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng số 0162/11/TD/XXIV với bà Huỳnh Thị Kim D. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho bà D vay số tiền 650.000.000đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất trong hạn 21,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150%/năm lãi suất trong hạn, mục đích cho vay bổ sung vốn kinh doanh dịch vụ cầm đồ.

Để bảo đảm cho số tiền vay, bà D ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số 0263/11/TC/XXIV, ngày 11/10/2011 giữa Ngân hàng với bà D. Tài sản đảm bảo là 50% giá trị quyền sử dụng đất của bà D thuộc thửa đất số 91 +43, tờ bản đồ số 45, 46 có diện tích 260,3m², đất tọa lạc tại đường Trần Hưng Đ, phường MQ1, thành phố LX, tỉnh Ag. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00359 QSDĐ/Al, ngày 17/10/2002 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp mang tên bà D, kèm theo hồ sơ kỹ thuật khu đất số 2829/2&2002 do Phòng quản lý phát triển đô thị thành phố LX cấp ngày 17/10/2002 và 50% giá trị Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của bà D có diện tích 221,8m² thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 46, tọa lạc tại địa chỉ số 14/1 đường Trần Hưng Đ, phường MQ1, thành phố LX, tỉnh Ag. Diện tích xây dựng 125,2m² với kết cấu nền gạch ciment, sàn lầu bê tông cốt thép (BTCT) + ván, khung BTCT + gỗ, mái BTCT + tole, vách gạch, số tầng 02. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền

sử dụng đất ở số phát hành 5001120376 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 14/11/2003.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được Văn phòng Công chứng Hoàng Gia chứng nhận và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật vào ngày 12/10/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố LX, tỉnh Ag. Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà D và đã rút số tiền vốn 650.000.000đồng theo Giấy nhận nợ số 01, ngày 12/10/2011.

Bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng nhiều lần đôn đốc nhắc nhở nhưng không thực hiện nên Ngân hàng khởi kiện buộc bà Huỳnh Thị Kim D phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 04/03/2024 là: 1.759.715.099đồng. Trong đó, nợ gốc 374.869.810đồng, nợ lãi tạm tính 1.384.845.289đồng. Buộc bà D có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 05/03/2024 theo hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng. Trường hợp bà D không trả hoặc trả không đủ nợ, Ngân hàng có quyền xử lý tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số 0263/11/TC/XXIV, ngày 11/10/2011 để Ngân hàng thu hồi nợ. Sau khi xử lý nợ xong tài sản đảm bảo mà không đủ để tất toán khoản vay thì bà D phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết đã ký với Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết số nợ còn lại.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình số: 139/2024/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh Ag đã quyết định:

1.Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q được ly hôn với bà Huỳnh Thị Kim D.

2.Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Văn Q, bà Huỳnh Thị Kim D có hai con chung tên: Chị Nguyễn Thụy Phương Quyên, sinh năm 1986 và anh Nguyễn Hoàng Quân, sinh năm 1989. Không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến.

3.Về quan hệ tài sản chung:

3.1.Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q đối với bà Huỳnh Thị Kim D: Giao cho ông Nguyễn Văn Quý quản lý, sử dụng phần diện tích đất 1.227,8m² thuộc thửa đất số 88, tờ bản đồ số 13 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00384 ngày 10/11/2010 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp cho ông Nguyễn Văn Q và bà Huỳnh Thị Kim D, đất tọa lạc tại phường MQ1, thành phố LX, tỉnh Ag; giá trị đất: 4.008.326.600đ (bốn tỷ, lẻ tám triệu, ba trăm hai mươi sáu ngàn, sáu trăm đồng). Ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ hoàn giá trị cho bà Huỳnh Thị Kim D số tiền 2.004.163.300đ (hai tỷ, lẻ bốn triệu, một trăm sáu mươi ba ngàn, ba trăm đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q đối với bà Huỳnh Thị Kim D về việc yêu cầu chia phần diện tích đất thuộc thửa đất

số 91 tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 43 tờ bản đồ số 46, diện tích 260,30m² tọa lạc tại phường MQ1, thành phố LX, tỉnh Ag theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00359QSDĐ/A1 ngày 17/10/2002 do Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh Ag cấp cho bà Huỳnh Thị Kim D.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q đối với bà Huỳnh Thị Kim D về việc yêu cầu chia số tiền do Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh Ag bồi thường với số tiền 540.000.000đ, thay đổi 479.582.562đ (bốn trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm sáu mươi hai đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q đối với bà Huỳnh Thị Kim D về việc yêu cầu chia số tiền do Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh Ag bồi thường với số tiền 185.650.215đ (một trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi ngàn, hai trăm mười lăm đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q đối với bà Huỳnh Thị Kim D về việc yêu cầu chia nguồn thu từ dịch vụ nhà trọ và cho thuê mặt bằng hàng tháng với tổng thu nhập mỗi tháng là 190.000.000đ từ thời điểm năm 2016 đến năm 2019 (tạm tính) về việc yêu cầu chia số tiền do Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh Ag bồi thường với số tiền với số tiền tổng cộng là 6.840.000.000đ (sáu tỷ, tám trăm bốn mươi triệu đồng).

3.2. Đối với yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Kim D.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kim D đối với ông Nguyễn Văn Q về việc yêu cầu ông Q có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 50.000.000đ đối với giá trị đối với phần diện tích đất 77,60m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00150, ngày 30/12/2002 do Ủy ban nhân dân thị xã CĐ (nay là thành phố CĐ) tỉnh Ag.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kim D đối với ông Nguyễn Văn Q về việc yêu cầu chia đôi phần diện tích căn nhà, đất 77,06m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00150/QSDDD/fF, ngày 30/12/2002 do Ủy ban nhân dân thị xã CĐ (nay là thành phố CĐ), tỉnh Ag cấp cho ông Nguyễn Văn Q. Bà D yêu cầu nhận được ½ diện tích nhà, đất; giá trị tài sản 1.500.000.000đ, giá trị tài sản chia đôi được xác định với số tiền 750.000.000đ (bà D yêu cầu nhận hiện vật), thay đổi yêu cầu phản tố, chỉ yêu cầu với số tiền 553.000.000đ (năm trăm, năm mươi ba triệu đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kim D đối với ông Nguyễn Văn Q về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Q và ông Đinh Thắng Đ, bà Nguyễn Ngọc Y; yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu, buộc ông Q có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đ và bà Y những gì đã nhận tại thời điểm chuyển nhượng.

- Đình chỉ yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung của bà Huỳnh Thị Kim D đối với ông Nguyễn Văn Q về yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung tên là Nguyễn Hoàng Quân, sinh năm 1989, hiện cư ngụ tại số 14/1, khóm MT, phường MQ1, thành phố LX, tỉnh Ag, cấp dưỡng một lần với số tiền 800.000.000đ. Lý do, yêu cầu cấp dưỡng là hiện nay cháu Q đang bệnh tâm thần phân liệt.

-Ông Nguyễn Văn Quý và bà Huỳnh Thị Kim D liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định pháp luật. *(Kèm theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 12/12/2022)*

4.Về quan hệ nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5.Đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần AB đối với bà Huỳnh Thị Kim D.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần AB đối với bà Huỳnh Thị Kim D: Buộc bà Huỳnh Thị Kim D trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần AB số tiền: 1.799.186.016đ. Trong đó, tiền vốn 373.869.810đ, tiền lãi quá hạn 1.425.316.206đ (tạm tính đến ngày 12/08/2024) theo hợp đồng tín dụng số 0263/11/TD/XXIV, ngày 11/10/2011 cho đến khi bà D trả dứt nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về việc duy trì đảm bảo tài sản thế chấp, lãi suất, án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/8/2024 bà Huỳnh Thị Kim D kháng cáo Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 139/2024/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của TAND TP.LX, tỉnh Ag: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét về việc vi phạm tố tụng của cấp sơ thẩm, yêu cầu chia đôi phần phần diện tích đất 1.227,8m² và diện tích căn nhà, đất 77,06m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00150/QSDDD/ff, ngày 30/12/2002 do Ủy ban nhân dân thị xã CD (nay là thành phố CD), tỉnh Ag cấp cho ông Nguyễn Văn Q. Bà D yêu cầu nhận được ½ diện tích nhà, đất; giá trị tài sản theo biên bản định giá tài sản là 1.046.622.000đ, giá trị tài sản chia đôi được xác định với số tiền 523.311.000đồng (bà D yêu cầu nhận hiện vật); Yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần AB đã hết thời hiệu khởi kiện; Yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung tên là Nguyễn Hoàng Quân một lần với số tiền 800.000.000đồng.

Ngày 27/8/2024 ông Nguyễn Văn Q kháng cáo Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 139/2024/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của TAND TP.LX, tỉnh Ag.Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét:

1. Chia $\frac{1}{2}$ phần đất diện tích $1.227,8m^2$, tọa lạc tại phường MQ1, thành phố LX, tỉnh Ag theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CH00384 ngày 10/11/2010 do UBND TP.LX cấp cho ông Nguyễn Văn Q, bà Huỳnh Thị Kim D.

2. Chia $\frac{1}{2}$ phần đất diện tích $260,30m^2$ tọa lạc tại phường MQ1, thành phố LX, tỉnh Ag theo Giấy chứng nhận QSDĐ số 00359QSDĐ/A1 ngày 17/10/2002 do UBND TP.LX cấp cho bà Huỳnh Thị Kim D. Vì đây là tài sản chung vợ chồng.

3. Yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ từ thu nhập từ 05 kiot. Mỗi kiot 8 triệu đồng/1 tháng/1 kiot (5 ki ot x 8 triệu đồng = 40 triệu đồng/ 1 tháng). Thời gian từ ngày 01/01/2016 đến 01/8/2014 là 104 tháng. Số tiền là: $40.000.000\text{đồng/tháng} \times 104 \text{ tháng} = 4.160.000.000\text{đồng}$ chia hai là $2.080.000.000\text{đồng}$.

4. Yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ từ thu nhập chung cho thuê 12 phòng trọ trên diện tích $1.227,8m^2$. Tính từ 01/01/2007 đến 01/8/2024 là 204 tháng, mỗi tháng là 80 triệu đồng.

Số tiền là: $80.000.000\text{đồng/tháng} \times 204 \text{ tháng} = 16.320.000.000\text{đồng}$ chia hai là $8.160.000.000\text{đồng}$.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện Kiểm sát không kháng nghị.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Q: Do tại phiên tòa phần diện tích $77,6m^2$ tọa lạc thành phố CD do ông Q, đã bán nay ông Q đồng ý trên tinh thần tự nguyện giao lại cho bà D số tiền $400.000.000\text{đồng}$, đây là việc tự nguyện của ông Q nên không có ý kiến, Ngoài ra tại phiên tòa do ông Q tự nguyện rút lại các phần kháng cáo đối với yêu cầu:

Chia $\frac{1}{2}$ phần đất diện tích $260,30m^2$ tọa lạc tại phường MQ1, thành phố LX, tỉnh Ag theo Giấy chứng nhận QSDĐ số 00359QSDĐ/A1 ngày 17/10/2002 do UBND TP.LX cấp cho bà Huỳnh Thị Kim D.

Yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ từ thu nhập từ 05 kiot. Mỗi kiot 8 triệu đồng/1 tháng/1 kiot (5 ki ot x 8 triệu đồng = 40 triệu đồng/1 tháng). Thời gian từ ngày 01/01/2016 đến 01/8/2014 là 104 tháng. Số tiền là: $40.000.000\text{đồng/tháng} \times 104 \text{ tháng} = 4.160.000.000\text{đồng}$ chia hai là $2.080.000.000\text{đồng}$.

Yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ từ thu nhập chung cho thuê 12 phòng trọ trên diện tích $1.227,8m^2$. Tính từ 01/01/2007 đến 01/8/2024 là 204 tháng, mỗi tháng là 80 triệu đồng.

Số tiền là: $80.000.000\text{đ/tháng} \times 204 \text{ tháng} = 16.320.000.000\text{đồng}$ chia hai là $8.160.000.000\text{đồng}$.

Ông Q, bà D thống nhất không tranh chấp đối với phần diện tích 1.227,8m² tọa lạc tại phường MQ1, thành phố LX, tỉnh Ag theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số CH00384 ngày 10/11/2010 do UBND thành phố LX cấp cho ông Q và bà D đứng tên gắn liền 02 dãy nhà trọ gồm 10 phòng, không còn giá trị sử dụng ông Q được nhận bằng hiện vật đất, giao lại cho bà D giá trị bằng tiền là 2.004.163.300 đồng.

Nguyên vọng của ông Q tại phiên tòa phúc thẩm là muốn được nhận nhà để ở sinh hoạt đối với căn nhà có diện tích 3m72 x 25 m để ở cất trên diện tích đất mà bà D và ông Q đứng tên, có nguồn gốc do mẹ bà D cho thừa kế được các chị em bà D ký tên thừa nhận nên đây là tài sản chung của vợ chồng, do bà D tự nguyện để cho ông Q đứng tên chung, nên việc ông Q yêu cầu là phù hợp với pháp luật, yêu cầu của ông Q là chính đáng vì hiện nay ông Q không có nhà để ở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Q được nhận nhà.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Q: ông Lương Minh H thống nhất như ý kiến Luật sư Phạm Đ Hùng, không bổ sung ý kiến gì thêm.

Ông Hoàng Văn Hưng, ông Nguyễn Văn Q thống nhất ý kiến trình bày của Luật sư H, ông Lương Minh H

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà D: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Q như Luật sư trình bày nguồn gốc tài sản đất và nhà mà ông Q yêu cầu chia là phần diện tích đất tại địa chỉ 14/đường Trần Hưng Đ, phường Mỹ Q, thành phố LX, do tài sản riêng của bà D được bà Trương Thị Thanh Hồng (mẹ ruột bà D) tặng cho bà D không liên quan đến ông Q. Riêng căn nhà bà D thừa nhận là có sửa chữa lại một phần nhà phía sau tự nguyện xác định là tài sản chung của vợ chồng. Bà D tự nguyện hoàn giá trị cho ông Q với số tiền 353.115.300 đồng (706.230.600đ : 2).

Đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần AB: Theo hợp đồng bà D đã vay số tiền 650.000.000 đồng, đã nhận đủ số tiền theo Giấy nhận nợ số 01, ngày 12/10/2011, xét về thời hiệu khởi kiện của ngân hàng không còn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu độc lập của ngân hàng đối với bà D

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ag tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Đề nghị Hội đồng xét xử đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Ag, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Đình

chỉ một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q và bà Huỳnh Thị Kim D. Không chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q và bà Huỳnh Thị Kim D. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q và bà Huỳnh Thị Kim D; Sửa Bản án hôn nhân sơ thẩm số 139/2024/HNGĐ-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố LX: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Q về việc ông Nguyễn Văn Q hoàn giá trị cho bà Huỳnh Thị Kim D số tiền 400.000.000 đồng đối với giá trị phần diện tích đất 77,60m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00150, ngày 30/12/2002 do Ủy ban nhân dân thị xã CD (nay là thành phố CD) tỉnh Ag. Bà Huỳnh Thị Kim D có nghĩa vụ hoàn giá trị căn nhà trên diện tích đất 260,3m² cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 353.115.300 đồng. Kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2024, bà Huỳnh Thị Kim D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn,..”. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không sửa, giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Huỳnh Thị Kim D và ông Nguyễn Văn Q nộp đơn kháng cáo phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được xem xét chấp nhận

[2] Về hôn nhân gia đình, về con chung ông Nguyễn Văn Q, bà Huỳnh Thị Kim D thống nhất với bản án sơ thẩm không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét. Thống nhất theo biên bản định giá cấp sơ thẩm.

[3] Về tài sản ông Nguyễn Văn Q và bà Huỳnh Thị Kim D thống nhất tài sản chung là diện tích đất 1.227,8m² trên đất có 2 dãy nhà trọ **12 phòng** (không còn giá trị, ai nhận đất được nhận nhà và vật kiến trúc trên đất), trị giá 4.008.326.600 đồng và căn nhà trên diện tích đất 260,3m² trị giá 706.230.600 đồng. Ông Nguyễn Văn Q và bà Huỳnh Thị Kim D không thống nhất diện tích căn nhà, đất 77,06m² tại CD và tiền cho thuê nhà và nhà trọ tại LX. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử giao cho ông Nguyễn Văn Q sử dụng toàn bộ diện tích đất 1.227,8m², ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ hoàn giá trị cho bà Huỳnh Thị Kim D số tiền 2.004.163.300đồng;

Đối với căn nhà số 14/1 đường Trần Hưng Đ (do cha mẹ bà D để lại) trong bản án cấp sơ thẩm có nhận định giao cho bà Huỳnh Thị Kim D sử dụng, bà Huỳnh Thị Kim D có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 353.115.300 đồng nhưng phần quyết định của bản án lại không tuyên phần này là có thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Q thay đổi yêu cầu là không nhận số tiền 353.115.300 đồng nhưng với điều kiện bà D phải giao cho ông Q căn nhà ngang 3,75 m, dài 25m chưa được cấp giấy nằm trên diện tích đất 260,3m² để ông Q có chỗ ở ổn định. Bà D không đồng ý, vì nhà và đất là tài sản riêng của bà D cất, bà D đồng ý hoàn giá trị căn nhà căn nhà số 14/1 đường Trần Hưng Đ (do cha mẹ bà D để lại) cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 353.115.300 đồng như bản án sơ thẩm đã nhận định.

Xét thấy, ông Q và bà D kháng cáo yêu cầu chia đôi diện tích đất 1.227,8m² nhưng tại phiên tòa ông Q và bà D rút lại kháng cáo nên đình chỉ một phần kháng cáo của ông Q và bà D về yêu cầu chia đôi bằng hiện vật đối với diện tích đất 1.227,8m².

Đối với yêu cầu của ông Q tại phiên tòa yêu cầu chia cho ông Q căn nhà ngang 3,75 m, dài 25m nằm trên diện tích đất 260,3m². Xét, diện tích đất 260,3m² có nguồn gốc là của cha mẹ bà Huỳnh Thị Kim D là ông Huỳnh Văn L và bà Trương Thị Thanh

H, sau khi ông Huỳnh Văn Lầu chết, ngày 17/10/2000 bà Hồng chỉ ủy quyền cho bà D quản lý sử dụng căn nhà gắn liền diện tích đất 260,3m², ngày 27/01/2002 đến ngày 17/10/2002 Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ mang tên Huỳnh Thị Kim D nên việc ông Q kháng cáo yêu cầu chia đôi diện tích 260,30m² và ông Q thay đổi yêu cầu được nhận căn nhà ngang 3,75 m, dài 25m nằm trên đường Dương Diên N (cấp vách căn nhà số 14/1 đường Trần Hưng Đ, nhà cũ do cha mẹ bà D để lại) nằm trên diện tích đất 260,3m² để ông có chỗ ở, hiện nay ông không có nhà.

Hội đồng xét xử xét thấy đối với căn nhà này trước đây vào năm 2016 do cả nhân bà D tự xây dựng, cất trên đất cây lâu năm, chưa được chuyển mục đích sử dụng, nhà chưa được cấp phép xây dựng, do không đảm bảo về an toàn lao động trong quá trình xây dựng, khi tháo dỡ giàn giáo xây dựng bằng sắt, bị vướng đường dây điện dẫn vô nhà bà D nên đã xảy ra tai nạn lao động cho anh Đặng Tấn Đ bị thương tật tỷ lệ hơn 80%, nên bà Huỳnh Thị Kim D và ông Phạm Quốc Giang là rể bà D (hiện đang bán cà phê trên căn nhà này) bị ông Đ khởi kiện bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm hại. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/ 2020/DS-ST ngày 25/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố LX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ và chỉ buộc ông Phạm Quốc G1 có trách nhiệm bồi thường cho ông Đ số tiền là 50.000.000 đồng, sau khi xét xử Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX quyết định kháng nghị số 10 /QĐKNPT-VKS-DS ngày 06/5/2020 với nội dung: Bà D mới là người trả tiền thuê mướn ông Đ làm phụ hồ để sửa chữa nhà cho bà D việc sửa chữa này do bà D trực tiếp quản lý, quyết định trong việc xây nhà còn ông Giang chỉ hỗ trợ bà D khi bà D yêu cầu, nên bản án sơ thẩm buộc ông Giang bồi thường là làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông G1. Ông G cũng kháng cáo không đồng ý bồi thường cho ông Đ. Đại diện của nguyên đơn kháng cáo buộc trách nhiệm liên đới đối với bà D, ông G. Tại bản án phúc thẩm số 123/2020/DS-PT ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ag chấp nhận một phần kháng cáo nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ag, chấp nhận kháng cáo ông G1 loại trừ trách nhiệm ông G1 phải bồi thường cho ông Đạt, buộc bà D bồi thường cho ông Đạt số tiền 50.000.000 đồng, tại cấp phúc thẩm tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thì ông Giang cản trở không cho xem xét thẩm định, do đặc đối với căn nhà này, bà D thì cho rằng do mẹ bà D là bà H đã chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Hoe, là cha ông Giang nhưng có chứng cứ nào chứng minh việc mẹ bà D đã chuyển nhượng, và cũng không có căn cứ nào xác định đây là tài sản cá nhân ông G nên cấp sơ thẩm không cần phải đưa ông G vào tham gia tố tụng là có căn cứ, tại cấp sơ thẩm ông Q cũng không có yêu cầu này (nhận căn nhà diện tích ngang 3,75 m, dài 25m nên đối với căn nhà có diện tích ngang 3,75 m, dài 25m) xét thấy Bản án số 123/2020/DS-PT ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ag có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét thấy đây là tài sản do bà D tạo lập, không cần phải chứng minh, không phải là tài sản của ông Giang, ông Q, mặc khác hiện nay ông Q được nhận diện tích đất 1.227,8m² và tài sản gắn liền trên đất 2 dãy nhà trọ, cũng có nơi ở, nên yêu cầu ông Q là không cần cứ chấp nhận.

Đối với căn nhà cũ (do cha mẹ bà D để lại) cất trên diện tích đất 260,3m², bản án sơ thẩm giao cho cho bà D sử dụng căn nhà trên diện tích đất 260,3m², đối với căn

nhà bà D có nghĩa vụ hoàn giá trị căn nhà cho ông Q số tiền 353.115.300 đồng nhưng trong phần quyết định lại không tuyên, tại phiên tòa phúc thẩm bà D đồng ý hoàn giá trị căn nhà cho ông Q số tiền 353.115.300 đồng nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Q, buộc bà D có nghĩa vụ hoàn giá trị căn nhà cho ông Q số tiền 353.115.300 đồng.

[4] Về kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q yêu cầu chia đôi thu nhập cho thuê 05 kiot từ ngày 01/01/2016 đến ngày 01/8/2024 là 104 tháng, mỗi tháng 40.000.000đồng với tổng số tiền là 4.160.000.000đồng (ông Q được chia 4.080.000.000 đồng) và cho thuê 12 phòng trọ trên diện tích đất 1.227,8m² từ ngày 01/01/2007 đến ngày 01/8/2024 là 17 năm 08 tháng, mỗi tháng 80.000.000 đồng với tổng số tiền là 16.320.000.000đồng (ông Q được chia 8.160.000.000đồng): Trong quá trình giải quyết ông Q không chứng minh được nhà trọ cho ai thuê và thuê giá bao nhiêu. Ngoài ra, Xét thấy, bà D phải nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Q1 bị bệnh tâm thần và theo biên bản xem xét thẩm định của TAND tỉnh Ag ngày 11/12/2024 tại diện tích đất 1.227,8m² có 2 dãy phòng trọ với 10 phòng trọ đã xuống cấp không còn sử dụng được. tại phiên tòa phúc thẩm ông Q rút lại kháng cáo yêu cầu chia đôi thu nhập cho thuê 05 kiot và 12 phòng trọ nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với kháng cáo của ông Q yêu cầu chia đôi thu nhập cho thuê 05 kiot và 12 phòng trọ.

[5] Về kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim D yêu cầu không chấp nhận yêu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần AB đã hết thời hiệu khởi kiện: Trong quá trình hòa giải bà Huỳnh Thị Kim D thừa nhận và cam kết trả tiền cho Ngân hàng thương mại cổ phần AB và tại phiên tòa phúc thẩm bà D thừa nhận đến năm 2024 vẫn còn đóng lãi cho ngân hàng cho nên việc bà Huỳnh Thị Kim D kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần AB do hết thời hiệu khởi kiện là không căn cứ chấp nhận.

Về kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim D yêu cầu chia đôi diện tích căn nhà, đất 77,06m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00150/QSDDD/fF, ngày 30/12/2002 do UBND thị xã CD (nay là thành phố CD), tỉnh Ag cấp cho ông Nguyễn Văn Q. Bà D yêu cầu nhận được ½ diện tích nhà, đất; giá trị tài sản theo biên bản định giá tài sản là 1.046.622.000đồng, giá trị tài sản chia đôi được xác định với số tiền 523.311.000 đồng (bà D yêu cầu nhận hiện vật): Căn nhà, đất 77,06m² ngày 22/01/2015 ông Q đã chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Mức với giá 100.000.000 đồng, sau đó bà Phạm Thị M chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Nguyễn Minh L, bà Đặng Nguyễn Tuyết Tr. Tài sản căn nhà, đất 77,06m² hiện không còn. Cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kim D đối với ông Nguyễn Văn Q về việc yêu cầu ông Q có nghĩa vụ hoàn giá trị cho bà Huỳnh Thị Kim D số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm ông Q tự nguyện hoàn giá trị cho bà D số tiền 400.000.000 đồng nên cần chấp nhận kháng cáo của bà D ghi nhận sự tự nguyện của ông Q hoàn giá trị cho bà D số tiền 400.000.000 đồng.

Về kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim D yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng Q một lần với số tiền 800.000.000đồng và kháng cáo đối với thẩm phán cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà D rút lại kháng cáo nên đình chỉ xét xử một phần kháng cáo của bà D về yêu cầu ông Q cấp

đưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng Q một lần với số tiền 800.000.000 đồng và kháng cáo đối với thẩm phán cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần AB đối với bà D. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tạm tính lãi suất đến ngày 12/8/2024 nhưng khi tuyên bản án lại quyết định “Kể từ ngày 17 tháng 08 năm 2024, bà Huỳnh Thị Kim D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn,..” là không chính xác nên Hội đồng sửa bản án về cách tuyên án như sau “Kể từ ngày 13 tháng 08 năm 2024, bà Huỳnh Thị Kim D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn,..”.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 284, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử:

Đình chỉ một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q yêu cầu chia đôi thu nhập cho thuê 05 kiot và 12 phòng trọ.

Đình chỉ một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim D về yêu cầu ông Nguyễn Văn Q (Quý) cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng Q một lần với số tiền 800.000.000 đồng và kháng cáo đối với thẩm phán cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q yêu cầu giao cho ông Nguyễn Văn Q căn nhà ngang 3,75 m, dài 25m nằm trên diện tích đất 260,3m²

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim D yêu cầu không chấp nhận yêu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần AB đã hết thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ vào:

Điều 8, 9, 19, 33, 38, 51, 56, 57, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Khoản 1, khoản 2 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 179; Điều 217, 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, 244, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 105, 116, 117, 119, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 327, 463, 466, 468, 470, 500, 502, 503, 562, 563 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 166, 167 Luật Đất đai 2014;

Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q được ly hôn với bà Huỳnh Thị Kim D.

2. Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Văn Q, bà Huỳnh Thị Kim D có hai con chung tên: Chị Nguyễn Thụy Ph Q2, sinh năm 1986 và anh Nguyễn Hoàng Q1, sinh năm 1989. Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản chung:

3.1. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q đối với bà Huỳnh Thị Kim D: Giao cho ông Nguyễn Văn Q quản lý, sử dụng phần diện tích đất 1.227,8m² thuộc thửa đất số 88, tờ bản đồ số 13 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00384 ngày 10/11/2010 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp cho ông Nguyễn Văn Q và bà Huỳnh Thị Kim D, đất tọa lạc tại phường MQ1, thành phố LX, tỉnh Ag; giá trị đất: 4.008.326.600đồng (Bốn tỷ, lẻ tám triệu, ba trăm hai mươi sáu ngàn, sáu trăm đồng). Ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ hoàn giá trị cho bà Huỳnh Thị Kim D số tiền 2.004.163.300đồng (Hai tỷ, lẻ bốn triệu, một trăm sáu mươi ba ngàn, ba trăm đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q đối với bà Huỳnh Thị Kim D về việc yêu cầu chia phần diện tích đất thuộc thửa đất số 91 tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 43 tờ bản đồ số 46, diện tích 260,30m² tọa lạc tại phường MQ1, thành phố LX, tỉnh Ag theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00359QSĐĐ/A1 ngày 17/10/2002 do Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh Ag cấp cho bà Huỳnh Thị Kim D.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q đối với bà Huỳnh Thị Kim D về việc yêu cầu chia số tiền do Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh Ag bồi thường với số tiền 540.000.000đồng, thay đổi 479.582.562đồng (Bốn trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm sáu mươi hai đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q đối với bà Huỳnh Thị Kim D về việc yêu cầu chia số tiền do Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh Ag bồi thường với số tiền 185.650.215đồng (một trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi ngàn, hai trăm mười lăm đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q đối với bà Huỳnh Thị Kim D về việc yêu cầu chia nguồn thu từ dịch vụ nhà trọ và cho thuê mặt bằng hàng tháng với tổng thu nhập mỗi tháng là 190.000.000đồng từ thời điểm năm 2016 đến năm 2019 (tạm tính) về việc yêu cầu chia số tiền do Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh Ag bồi thường với số tiền với số tiền tổng cộng là 6.840.000.000đồng (Sáu tỷ, tám trăm bốn mươi triệu đồng).

3.2. Đối với yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Kim D.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Q hoàn giá trị cho bà Huỳnh Thị Kim D số tiền 400.000.000 đồng đối với giá trị đối với phần diện tích đất 77,60m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00150, ngày 30/12/2002 do Ủy ban nhân dân thị xã CD (nay là thành phố CD) tỉnh Ag.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kim D đối với ông Nguyễn Văn Q về việc yêu cầu chia đôi phần diện tích căn nhà, đất 77,06m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00150/QSDDD/ff, ngày 30/12/2002 do Ủy ban nhân dân thị xã CD (nay là thành phố CD), tỉnh Ag cấp cho ông Nguyễn Văn Q. Bà D yêu cầu nhận được ½ diện tích nhà, đất; giá trị tài sản 1.500.000.000đồng, giá trị tài sản chia đôi được xác định với số tiền 750.000.000đồng (bà D yêu cầu nhận hiện vật), thay đổi yêu cầu phản tố, chỉ yêu cầu với số tiền 553.000.000đồng (Năm trăm, năm mươi ba triệu đồng). Bỏ đi anh không cần thiết tuyên nữa.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kim D đối với ông Nguyễn Văn Q về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Q và ông Đinh Thắng Đ, bà Nguyễn Ngọc Y; yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu, buộc ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đ và bà Y những gì đã nhận tại thời điểm chuyển nhượng.

- Đình chỉ yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung của bà Huỳnh Thị Kim D đối với ông Nguyễn Văn Q về yêu cầu ông Nguyễn Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung tên là Nguyễn Hoàng Q1, sinh năm 1989, hiện cư ngụ tại số 14/1, khóm MT, phường MQ1, thành phố LX, tỉnh Ag, cấp dưỡng một lần với số tiền 800.000.000đồng. Lý do, yêu cầu cấp dưỡng là hiện nay cháu Quân đang bệnh tâm thần phân liệt

Giao cho cho bà Huỳnh Thị Kim D được tiếp tục sử dụng căn nhà và tài sản khác gắn liền diện tích đất 260,3m² tọa lạc tại địa chỉ số 14/1 đường Trần Hưng Đ, phường MQ1, thành phố LX, tỉnh Ag. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số phát hành 5001120376 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 14/11/2003 cấp cho bà Huỳnh Thị Kim D, ông Nguyễn Văn Q. Buộc bà Huỳnh Thị Kim D có nghĩa vụ hoàn giá trị căn nhà cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 353.115.300 đồng .

- Ông Nguyễn Văn Q và bà Huỳnh Thị Kim D liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định pháp luật. *(Kèm theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 12/12/2022, và ngày 28/3/2025)*

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015,

tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

5.Đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần AB đối với bà Huỳnh Thị Kim D.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần AB đối với bà Huỳnh Thị Kim D: Buộc bà Huỳnh Thị Kim D trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần AB số tiền: 1.799.186.016 đồng. Trong đó, tiền vốn 373.869.810đồng, tiền lãi quá hạn 1.425.316.206đồng (tạm tính đến ngày 12/08/2024) theo hợp đồng tín dụng số 0263/11/TD/XXIV, ngày 11/10/2011 cho đến khi bà Huỳnh Thị Kim D trả dứt nợ cho Ngân hàng.

-Trường hợp bà Huỳnh Thị Kim D không trả hoặc trả không đủ nợ, Ngân hàng có quyền xử lý tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số 0263/11/TC/XXIV, ngày 11/10/2011. Kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00359QSDĐ/A1 ngày 17/10/2002 do Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh Ag cấp cho bà Huỳnh Thị Kim D để Ngân hàng thu hồi nợ. Sau khi xử lý nợ xong tài sản đảm bảo mà không đủ để tất toán khoản vay thì bà Huỳnh Thị Kim D phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết đã ký với Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết số nợ còn lại.

Kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2024, bà Huỳnh Thị Kim D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

7.Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn Q và bà Huỳnh Thị Kim D là người cao tuổi, có đơn yêu cầu miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định pháp luật.

-Trả lại số tiền 17.000.000 đồng cho bà Huỳnh Thị Kim D theo Biên lai thu số 000426, ngày 21/05/2021 tại Chi Cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

-Trả lại số tiền 32.396.000đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần AB theo Biên lai thu số 0001791, ngày 25/03/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

8.Về chi phí tố tụng:

- Ông Nguyễn Văn Q đã nộp tạm ứng tổng số tiền 3.300.000đồng, đã chi tổng số tiền: 2.700.000đồng; số tiền còn lại 600.000đồng ông Nguyễn Văn Q đã nhận lại theo biên bản quyết toán ngày 12/08/2024.

- Bà Huỳnh Thị Kim D đã nộp tạm ứng tổng số tiền 2.000.000đồng, số tiền đã chi 1.000.000đồng; số tiền còn lại 1.000.000đ bà Huỳnh Thị Kim D đã nhận lại theo biên bản quyết toán ngày 12/08/2024.

Chi phí tố tụng phúc thẩm ông Nguyễn Văn Q và bà Huỳnh Thị Kim D mỗi người chịu 5.000.000 đồng. Do ông Nguyễn Văn Q tạm ứng bà D có nghĩa vụ giao trả cho ông Nguyễn Văn Q 5.000.0000 đồng.

-Trả lại số tiền 17.000.000đồng cho bà Huỳnh Thị Kim D theo Biên lai thu số 000426, ngày 21/05/2021 tại Chi Cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

-Trả lại số tiền 32.396.000đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần AB theo Biên lai thu số 0001791, ngày 25/03/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị giữ nguyên

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật Thi hành án)

Nơi nhận:

- TANDCC
- VKSND tỉnh Ag;
- TAND Huyện;
- THA DS Huyện
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Minh Lễ

